

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/8/2024

V/v “Ly hôn giữa bà T với ông
T1”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Ông Lê Bình Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Số D, ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* **Ông Phan Hoàng T1**, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Số E, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Bà T có Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2024, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 09/7/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Bà và ông T1 kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/8/2020 do tự nguyện. Sau khi kết hôn được khoảng 02 năm thì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ông T1 hay đánh đập bà. Bà và ông T1 đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T1 không còn nên bà xin ly hôn với ông T1.

Về con chung: bà và ông T1 có 01 con chung tên Phan Hoàng P sinh ngày 11/7/2020. Con chung hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu chia tài sản chung là 03 chỉ vàng 24k ông T1 đang cất giữ. Quá trình giải quyết bà T thay đổi yêu cầu khởi

kiện, cụ thể về tài sản chung bà và ông T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do nhà xa, đi lại bất tiện bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập Ông Phan Hoàng T1 tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng Ông Phan Hoàng T1 không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông T1 cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà T được ly hôn với ông T1

- Về con chung: Giao con chung là Phan Hoàng P sinh ngày 11/7/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: bà T và ông T1 tự thỏa thuận nên không xem xét.

- Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T khởi kiện bị đơn ông Phan Hoàng T1; quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Anh T và ông Phan Hoàng T1 là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông T1 đang cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Hoàng T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T và bị đơn ông Phan Hoàng T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/8/2020 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, Sau khi kết hôn được

khoảng 02 năm thì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ông T1 hay đánh đập bà. Bà và ông T1 đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T1 không còn nên bà xin ly hôn với ông T1. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà T và ông T1 nhưng ông T1 vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: bà T và ông T1 có 01 con chung tên Phan Hoàng P sinh ngày 11/7/2020. Bà T có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu P hiện đang sống với bà T, có cuộc sống sinh hoạt ổn định, cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật: Căn cứ theo Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014 ông T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung chưa thành niên là cháu Hoàng P. Về mức cấp dưỡng, căn cứ theo quy định tại khoản 02 Điều 7 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Hội đồng xét xử buộc ông T1 phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng P theo mức cấp dưỡng bằng 50% mức lương tối thiểu vùng tại nơi cư trú của ông T1 là thành phố B là 2.205.000đồng/tháng cho đến khi cháu Hoàng P tròn 18 tuổi là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: bà T và ông T1 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà T phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Anh T và Ông Phan Hoàng T1.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Phan Hoàng P sinh ngày 11/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phan Hoàng T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Hoàng P mỗi tháng 2.205.000 (Hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn) đồng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004467 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004468 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Ông Phan Hoàng T1 phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương

